

Số: 3377 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành,
bị bãi bỏ trong lĩnh vực giá, tài chính doanh nghiệp thuộc
phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1399/QĐ-BTC ngày 11/7/2022 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 139/TTr-STC ngày 05/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực giá, tài chính doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài chính xây dựng và phê duyệt quy trình nội bộ đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, sửa đổi quy trình điện tử và cập

nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bắc Giang trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định được ký ban hành.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT TT UBND tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH;
 - + Lưu: VT, NC-KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Sơn

PHỤ LỤC
DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC GIÁ,
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	Tài chính doanh nghiệp	Cơ quan đại diện chủ sở hữu cấp địa phương

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1	1.000483	Thủ tục lập phương án giá tiêu thụ, mức trợ giá	Thông tư số 118/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính	Lĩnh vực Giá	Sở Tài chính	Lý do bãi bỏ TTHC: Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 bị bãi bỏ
2	1.007616	Thủ tục lập, phân bổ dự toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản	Thông tư số 118/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính	Lý do bãi bỏ TTHC: Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 bị bãi bỏ
3	1.001352	Thủ tục tạm ứng kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản	Thông tư số 118/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính	Lý do bãi bỏ TTHC: Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 bị bãi bỏ

		sản	chính			bãi bỏ
4	1.007619	Thủ tục thanh toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản	Thông tư số 118/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính	Lý do bãi bỏ TTHC: Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 bị bãi bỏ
5	1.001254	Thủ tục quyết toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản	Thông tư số 118/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính	Lý do bãi bỏ TTHC: Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 bị bãi bỏ

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH

- Tên thủ tục: **“Thủ tục xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp”**.

1. Trình tự thực hiện

- Doanh nghiệp xác định số lãi chậm nộp về Quỹ đến thời điểm Nghị định có hiệu lực thi hành báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu hồ sơ để được xem xét, miễn lãi chậm nộp.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị miễn lãi chậm nộp của doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện thẩm định, ra quyết định miễn lãi chậm nộp cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định, trong đó nêu rõ số tiền doanh nghiệp được miễn lãi và số tiền còn phải nộp. Quyết định miễn lãi chậm nộp gửi doanh nghiệp và Bộ Tài chính.

- Trường hợp hồ sơ miễn lãi chậm nộp chưa đảm bảo đầy đủ nội dung, tài liệu theo quy định thì cơ quan đại diện chủ sở hữu (nêu rõ lý do) trả lời doanh nghiệp trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính cho cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1 Thành phần hồ sơ

- Văn bản đề nghị của doanh nghiệp về việc xem xét, miễn lãi chậm nộp (bản chính) theo Phụ lục V kèm theo Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ;

- Các tài liệu liên quan theo các trường hợp quy định tại điểm 1 Phụ lục này (bản chính/sao y).

- Tài liệu, chứng từ nộp về Quỹ và xác định số còn phải nộp (bản chính/sao y).

3.2 Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức trong nước có lãi chậm nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan đại diện chủ sở hữu tại địa phương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận/chấp thuận.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Doanh nghiệp có kết quả kinh doanh thua lỗ và/hoặc còn lỗ lũy kế đến thời điểm được xem xét miễn lãi chậm nộp; doanh nghiệp đã sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản bồi thường của tập thể, cá nhân có liên quan đến việc chậm nộp nhưng không đủ để bù đắp khoản lãi chậm nộp, Doanh nghiệp nộp nhằm về ngân sách nhà nước thay vì nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp (Quỹ).

- Doanh nghiệp chậm nộp tiền về Quỹ theo thời gian quy định do Cơ quan có thẩm quyền chậm phê duyệt quyết toán cổ phần hóa dẫn đến.

- Doanh nghiệp cổ phần hóa khi đánh giá lại giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần không phát sinh dòng tiền dẫn đến chậm nộp tiền về Quỹ theo thời gian quy định.

- Doanh nghiệp cấp 2 cổ phần hóa theo hình thức bán bớt phần vốn đầu tư của doanh nghiệp cấp 1 đã hoàn tất việc bán cổ phần lần đầu chậm nộp hoặc chưa nộp tiền thu từ bán cổ phần lần đầu tương ứng số tiền phải hoàn trả doanh nghiệp cấp 1 phần giá trị sổ sách của số cổ phần bán ra và số thuế phải nộp theo quy định (nếu có).

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ./.